TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 267/2019/HNGĐ-ST Ngày: 26-6-2019 V/v "Tranh chấp ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Hoàng;

2. Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Văn Q, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Văn Q trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H tự nguyện sống chung vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng ý

kiến, đời sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cải, gia đình không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay bản thân nguyên đơn nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Hoàng N, sinh ngày 29/7/2000 và Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 17/4/2006 hiện nay cháu Khánh B do nguyên đơn nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung là đúng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn.
- Về con chung: Đồng ý để con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Lê Nguyễn Khánh B có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn; chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn và ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có, không yêu cầu nên đề nghị thông qua.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên toà, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H đã có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa các đương sự phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng ý kiến. Tuy mâu thuẫn phát sinh không lớn, nhưng các đương sự không tìm biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà lựa chọn giải pháp mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chứng tỏ các đương sự đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ trong việc yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chính thức sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nguyên đơn và bị đơn cũng không tìm gặp để bàn biện pháp hàn gắn hôn nhân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó cũng đủ thấy rằng: Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét hôn nhân giữa các đương sự tuy được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về con chung: Xét cháu Lê Nguyễn Khánh B đã được nguyên đơn nuôi dưỡng ổn định từ lúc các đương sự ly thân đến nay nên không cần thiết xáo trộn cuộc sống của cháu và cháu có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 14; 53; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Hồng H.

2. Về con chung: Ông Lê Văn Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 17/4/2006. Bà Nguyễn Thị Hồng H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho bà H mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Ông Lê Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020711 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thị hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Tùng